

Concurrent  
Sessions  
2 Million

# FortiGate<sup>®</sup> 200F Series

FortiGate 200F and 201F

Secure SD-WAN

Next Generation Firewall

Secure Web Gateway



Dòng sản phẩm FortiGate 200F cung cấp giải pháp SD-WAN tập trung vào ứng dụng, có thể mở rộng và bảo mật dữ liệu, cùng với thể hệ Firewall tiếp theo (NGFW), phù hợp cho các văn phòng, chi nhánh doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, được triển khai ở các mạng Campus hoặc chi nhánh doanh nghiệp.

FortiGate 200F bảo vệ hệ thống mạng khỏi các mối đe dọa mạng bằng khả năng tăng tốc hệ thống trên chip cùng với công nghệ bảo mật hàng đầu SD-WAN. Đây là một giải pháp đơn giản, giá cả phải chăng và dễ triển khai.

Fortinet's Security-Driven Networking cung cấp khả năng tích hợp mạng của bạn với nền tảng bảo mật thế hệ mới

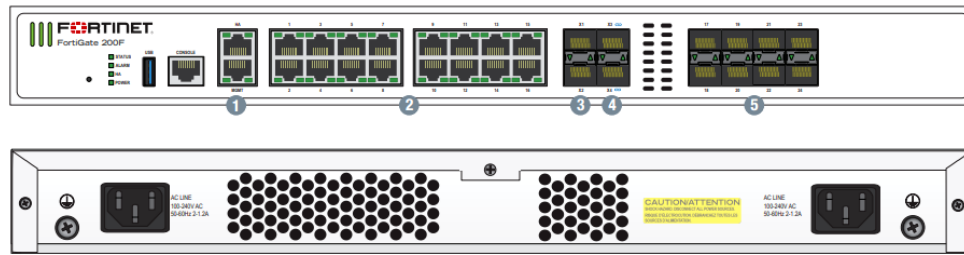
**FORTINET**

**INTERCOM**  
Connect to Values

## Tính năng nổi bật

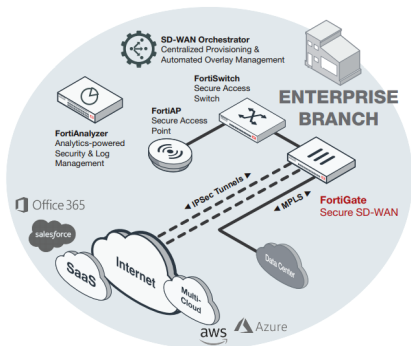
- Số cổng: 1 x MGMT port, 1 X HA port, 16 x switch ports, 8 x GE SFP, 4 x 10GE SFP
- Local storage: -
- Firewall Throughput (1518/512/64 byte UDP): 27 / 27 / 11 Gbps
- IPsec VPN Throughput (512 byte): 13 Gbps
- IPSThroughput (Enterprise Mix): 5 Gbps
- NGFW Throughput (Enterprise Mix): 3.5 Gbps
- Threat Protection Throughput (Ent. Mix): 3 Mbps
- Firewall Latency: 4.78  $\mu$ s
- Concurrent Sessions: 3 Million
- New Sessions/Sec: 280,000
- Firewall Policy: 10,000
- Max G/W to G/W IPSEC Tunnels: 25,000
- Max Client to G/W IPSEC Tunnels: 16,000
- SSL VPN Throughput: 2 Gbps
- Concurrent SSL VPN Users (Recommended Maximum, Tunnel Mode): 500
- SSL Inspection Throughput (IPS, avg. HTTPS): 4 Gbps
- Application Control Throughput (HTTP 64K): 13 Gbps

## FortiGate 200F/201F

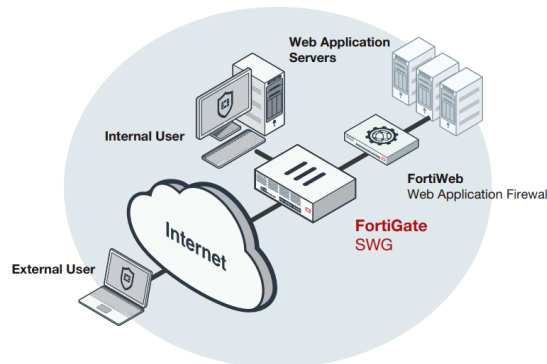


### Interfaces

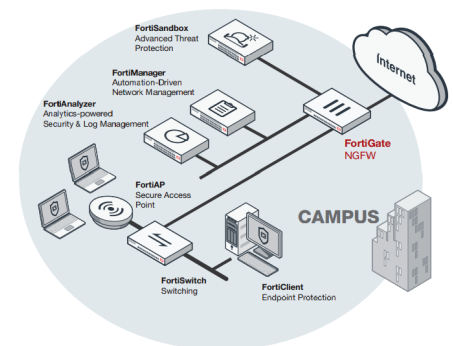
1. 2x GE RJ45 HA/MGMT Ports
2. 16x GE RJ45 Ports
3. 2x 10 GE SFP+ Slots
4. 2x 10 GE SFP+ FortiLink Slots
5. 8x GE SFP Slots



FortiGate 200F deployment in Enterprise Branch (Secure SD-WAN)



FortiGate 200F SWG deployment



FortiGate 200F deployment in Campus (NGFW)

### Bundles

	360 Protection	Enterprise Protection	UTM	Thread Protection
FortiCare	ASE <sup>1</sup>	24/7	24/7	24/7
FortiGuard App Control Service	●	●	●	●
FortiGuard IPS Service	●	●	●	●
FortiGuard Advanced Malware Protection (AMP) — Antivirus, Mobile Malware, Botnet, CDR, Virus Outbreak Protection and FortiSandbox Cloud Service	●	●	●	●
FortiGuard Web Filtering Service	●	●	●	
FortiGuard Antispam Service	●	●	●	
FortiGuard Security Rating Service	●	●		
FortiGuard Industrial Service	●	●		
FortiCASB IoT Detection Service <sup>2</sup>	●	●		
FortiConverter Service	●	●		
IPAM Cloud <sup>2</sup>	●			
SD-WAN Cloud Orchestrator Entitlement <sup>2</sup>	●			
SD-WAN Cloud Assisted Monitoring	●			
SD-WAN Overlay Controller VPN Service	●			
FortiAnalyzer Cloud	●			
FortiManager Cloud	●			

1. 24/7 plus Advanced Services Ticket Handling 2. Available when running FortiOS 6.4

# Thông số kỹ thuật

	FORTIGATE 200F	FORTIGATE 201F
<b>Hardware Specifications</b>		
GE RJ45 Ports		16
GE RJ45 Management /HA		1/1
GE SFP Slot		8
		2
		2
USB Port		1
Console (RJ45)		1
Internal Storage	-	1x 480 GB SSD
Included Transceivers		0
<b>System Performance — Enterprise Traffic Mix</b>		
IPS Throughput <sup>2</sup>		5 Gbps
NGFW Throughput <sup>2,4</sup>		3.5 Gbps
Threat Protection Throughput <sup>2,5</sup>		3 Gbps
<b>System Performance</b>		
Firewall Throughput (1518/512/64 byte UDP packets)		27/ 27 / 11 Gbps
Firewall Latency (64 byte UDP packets)		4.78 µs
Firewall Throughput (Packets Per Second)		16.5 Mbps
Concurrent Sessions (TCP)		3 Million
New Sessions/Second (TCP)		280,000
Firewall Policies		10,000
IPsec VPN Throughput (512 byte) <sup>1</sup>		13 Gbps
Gateway-to-Gateway IPsec VPN Tunnels		2500
Client-to-Gateway IPsec VPNTunnels		16000
SSL-VPN Throughput		2 Gbps
Concurrent SSL-VPN Users		500
(Recommended Maximum, Tunnel Mode)		
SSL Inspection Throughput (IPS, avg. HTTPS) <sup>3</sup>		4 Gbps
SSL Inspection CPS (IPS, avg. HTTPS) <sup>3</sup>		3,500
SSL Inspection Concurrent Session (IPS, avg. HTTPS) <sup>3</sup>		300,000
Application Control Throughput (HTTP 64K) <sup>2</sup>		13 Gbps
CAPWAP Throughput (HTTP 64K)		20 Gbps
Virtual Domains (Default/ Maximum)		10/10
Maximum Number of FortiSwitches Supported		64
Maximum Number of FortiAPs (Total/Tunnel Mode)		256 / 128
Maximum Number of FortiTokens		5000
High Availability Configurations		Active/Active, Active/Passive, Clustering
<b>Dimensions</b>		
Height x Width x Length (inches)		1.73 x 17.01 x 13.47
Height x Width x Length (mm)		44 x 432 x 342
Form Factor (supports EIA/non-EIA standards)		Ear Mount, 1 RU
Weight	9.92 lbs (4.5kg)	10.14 lbs (4.6 kg)
<b>Environment</b>		
Power Input		100 - 240 V AC 50-60 Hz
Maximum Current	101.92W/ 118.90W	104.52W/ 121.94W
Power Consumption (Average / Maximum)	405.70 BTU/h	436.98 BTU/h
Heat Dissipation		Yes
Operating Temperature		32-104°F (0-40°C)
Storage Temperature		-31-158°F (-35-70°C)
Humidity		Up to 7,400 ft (2,250 m)
Noise Level		20-90% non-condensing
Operating Altitude		49.9 dBA
Compliance		FCC Part 15B, Class A, CE, RCM, VCCI, UL/cUL, CB, BSMI
Certifications		ICSA Labs: Firewall, IPsec, IPS, Antivirus, SSL-VPN; IPv6

Note: All performance values are “up to” and vary depending on system configuration.

1. IPsec VPN performance test uses AES256-SHA256.

2. PS (Enterprise Mix), Application Control, NGFW, and Threat Protection are measured with Logging enabled.

3. SSL Inspection performance values use an average of HTTPS sessions of different cipher suites.

4. NGFW performance is measured with Firewall, IPS, and Application Control enabled.

5. Threat Protection performance is measured with Firewall, IPS, Application Control, and Malware Protection enabled.